

Số: /BC-UBND

Sơn La, ngày tháng năm 2026

BÁO CÁO

**Thực trạng phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020-2025
và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới,
kỹ năng mới, kỹ năng tương lai**

Kính gửi: Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Công văn số 536/BGDĐT-GDNN&GDTX ngày 02/02/2026 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc báo cáo thực trạng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 72/TTr-SGDĐT ngày 27/02/2026, UBND tỉnh Báo cáo thực trạng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trên địa bàn tỉnh Sơn La như sau:

PHẦN THỨ NHẤT THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP GIAI ĐOẠN 2020 - 2025

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH CHUNG CỦA ĐỊA PHƯƠNG

Sơn La là tỉnh miền núi, biên giới thuộc khu vực Trung du và miền núi Bắc Bộ, có diện tích tự nhiên khoảng 14.109 km², dân số trên 1,4 triệu người, gồm 12 dân tộc chủ yếu cùng sinh sống, trong đó đồng bào dân tộc thiểu số chiếm khoảng 84,46% dân số toàn tỉnh. Toàn tỉnh có 274 km đường biên giới tiếp giáp với nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào; địa hình chia cắt phức tạp, nhiều xã vùng cao, vùng sâu, vùng xa, điều kiện giao thông đi lại và tiếp cận dịch vụ giáo dục, đào tạo còn nhiều khó khăn.

Tính đến năm 2025, lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên của tỉnh khoảng 805.000 người, chiếm 57,5% dân số; trong đó số lao động đang làm việc khoảng 640.000 người. Cơ cấu lao động của tỉnh chuyển dịch chậm, lao động trong khu vực nông nghiệp vẫn chiếm tỷ trọng lớn, chủ yếu là lao động giản đơn, năng suất thấp, kỹ năng nghề và kỹ năng số còn hạn chế. Lao động làm việc trong các doanh nghiệp khoảng 59.800 người, trong hợp tác xã khoảng 10.000 người; lao động đi làm việc ngoài tỉnh khoảng 123.000 người, chủ yếu làm việc tại các khu công nghiệp¹.

¹ Báo cáo số 949/BC-UBND ngày 02/12/2025 của UBND tỉnh về kết quả triển khai thực hiện công tác đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trong tình hình mới trên địa bàn tỉnh Sơn La năm 2025.

Về trình độ, đến cuối năm 2025, tỷ lệ lao động qua đào tạo của tỉnh đạt khoảng 64,5%, trong đó lao động có bằng cấp, chứng chỉ khoảng 30%. Mặc dù đã có chuyển biến tích cực so với giai đoạn trước, song tỷ lệ lao động có kỹ năng nghề, kỹ năng số, kỹ năng làm việc trong môi trường công nghiệp, dịch vụ hiện đại còn thấp, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và thu hút đầu tư của tỉnh trong giai đoạn mới.

Trong bối cảnh tỉnh Sơn La đang đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến, du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, từng bước phát triển kinh tế số, chuyển đổi số, thì giáo dục nghề nghiệp giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc cung cấp nguồn nhân lực kỹ thuật trực tiếp cho sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; nâng cao chất lượng lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số; thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông; góp phần giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.

Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế - xã hội còn khó khăn, nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế, quy mô doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm đa số, nhu cầu sử dụng lao động kỹ thuật cao chưa lớn, nên việc phát triển giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh vẫn đối mặt với nhiều thách thức về quy mô đào tạo, chất lượng đào tạo, ngành nghề mới, kỹ năng mới và khả năng gắn kết với thị trường lao động.

II. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo phát triển giáo dục nghề nghiệp

Giai đoạn 2020 - 2025, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh Sơn La đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo toàn diện công tác phát triển giáo dục nghề nghiệp, xác định giáo dục nghề nghiệp là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Trên cơ sở các chủ trương, nghị quyết của Trung ương về phát triển giáo dục nghề nghiệp (GDNN) và phát triển nguồn nhân lực, tỉnh đã kịp thời ban hành và tổ chức triển khai nhiều nghị quyết, kế hoạch, đề án liên quan, trong đó trọng tâm là Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030; các kế hoạch của UBND tỉnh về thực hiện Chiến lược phát triển GDNN giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045; kế hoạch đào tạo nghề cho lao động nông thôn; kế hoạch chuyển đổi số trong GDNN².

² Đề án số 03-ĐA/TU ngày 30/12/2021 về xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030; Nghị quyết số 122/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích bác sĩ, dược sĩ về công tác tại tỉnh, giai đoạn 2020 - 2025; Nghị quyết số 41/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số chính sách hỗ trợ phát triển du lịch trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 - 2026; Nghị quyết số 39/2022/NQ-HĐND ngày 31/8/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định mức học phí đối với giáo dục mầm non và phổ thông công lập; mức hỗ trợ tiền đóng học phí cho học sinh tiểu học tại các trường tư thục ở địa bàn không đủ trường công lập và học sinh tiểu học tư thục thuộc đối tượng được hưởng chính sách miễn giảm học phí theo quy định năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 51/2023/NQ-HĐND ngày 10/01/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định nội dung, mức chi thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021 - 2030”; Nghị quyết số 61/2023/NQ-HĐND ngày 20/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ giáo viên tiểu học dạy tăng cường tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số lớp 1, lớp 2, lớp 3 thuộc xã khu vực III và các bản đặc biệt khó khăn thuộc xã khu vực II, khu vực I trên địa bàn tỉnh Sơn La đến năm 2025; Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 05/02/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch đào tạo, bồi

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được thực hiện theo hướng:

- Gắn phát triển GDNN với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, đặc biệt là các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, du lịch, y tế và chuyển đổi số;
- Chú trọng công tác phân luồng học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông, từng bước thay đổi nhận thức của xã hội về vai trò, vị trí của GDNN;
- Tăng cường trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương trong phối hợp triển khai GDNN gắn với giải quyết việc làm và thị trường lao động.

Hằng năm, UBND tỉnh chỉ đạo các sở, ngành liên quan tổ chức rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu GDNN; kịp thời điều chỉnh nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tiễn và yêu cầu phát triển của tỉnh.

2. Công tác quản lý phát triển giáo dục nghề nghiệp

a) Tổ chức bộ máy, nhân sự quản lý nhà nước về GDNN

Công tác quản lý nhà nước về GDNN trên địa bàn tỉnh được thực hiện theo đúng quy định của Trung ương và sự phân công, phân cấp của UBND tỉnh. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp UBND tỉnh quản lý nhà nước về GDNN; đồng thời phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố trong tổ chức triển khai thực hiện.

Thực hiện chủ trương sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả, tỉnh đã rà soát, sắp xếp lại mạng lưới các cơ sở GDNN, giảm đầu mối, khắc phục tình trạng trùng lặp ngành nghề đào tạo, tập trung nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo. Đến năm 2025, trên địa bàn tỉnh có 03 trường cao đẳng công lập, bảo đảm phù hợp với quy hoạch mạng lưới cơ sở GDNN và nhu cầu đào tạo của địa phương.

Đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về GDNN từng bước được củng cố, cơ bản đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; tuy nhiên, số lượng cán bộ chuyên trách còn mỏng, kiêm nhiệm nhiều nhiệm vụ, trong khi yêu cầu quản lý GDNN ngày càng cao, nhất là trong bối cảnh đổi mới chương trình đào tạo và chuyển đổi số.

b) Hoạt động quản lý, điều hành

Công tác quản lý GDNN được thực hiện thông qua việc:

- Ban hành các văn bản hướng dẫn, kế hoạch triển khai thực hiện các chương trình, đề án về GDNN;
- Tổ chức theo dõi, tổng hợp, báo cáo định kỳ và đột xuất tình hình GDNN trên địa bàn tỉnh;
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về GDNN tại các cơ sở đào tạo;

- Hướng dẫn các cơ sở GDNN thực hiện đổi mới chương trình đào tạo theo mô-đun, tín chỉ; đẩy mạnh đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động.

Công tác phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước với các cơ sở GDNN, doanh nghiệp và địa phương từng bước được cải thiện; việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, cập nhật cơ sở dữ liệu GDNN được triển khai theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Việc thể chế hóa, ban hành các cơ chế, chính sách phát triển GDNN ở địa phương

Trong giai đoạn 2020 - 2025, tỉnh Sơn La đã chú trọng thể chế hóa các chủ trương của Trung ương về phát triển GDNN thông qua việc ban hành và tổ chức thực hiện nhiều cơ chế, chính sách phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương: chính sách khuyến khích học tập, hỗ trợ ban đầu cho học sinh, sinh viên, tạo môi trường làm việc khuyến khích sự năng động, sáng tạo, tạo điều kiện cho người tài có cơ hội thăng tiến trong con đường nghề nghiệp. Huy động, thu hút các nguồn lực, doanh nghiệp đầu tư phát triển nguồn nhân lực, giải quyết việc làm cho người lao động. Thực hiện chính sách ưu tiên về tuyển dụng đối với sinh viên tốt nghiệp loại giỏi tại các trường đại học³.

Các cơ chế, chính sách tập trung vào:

- Hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số, người thuộc hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách;

- Khuyến khích học sinh sau trung học cơ sở, trung học phổ thông tham gia học nghề;

- Hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các cơ sở GDNN từ ngân sách nhà nước và các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nghề, phối hợp với cơ sở GDNN trong đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với giải quyết việc làm.

Bên cạnh những kết quả đạt được, một số cơ chế, chính sách phát triển GDNN của tỉnh còn chưa thực sự đồng bộ; mức hỗ trợ cho người học nghề và cơ sở GDNN còn thấp so với yêu cầu thực tiễn; chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào GDNN chưa đủ mạnh, nhất là trong các ngành nghề mới, kỹ năng mới.

III. KẾT QUẢ TRIỂN KHAI PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

1. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về giáo dục nghề nghiệp

Trong giai đoạn 2020 - 2025, công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La được xác định là nhiệm vụ trọng tâm nhằm thay đổi tư duy xã hội về học nghề, góp phần thực hiện hiệu quả công tác phân luồng học sinh và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực.

³ Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sơn La giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án số 03-ĐA/TU ngày 16/12/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về “Xây dựng, tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030”; Kế hoạch số 85/KH-UBND ngày 29/3/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 21/01/2021; Kế hoạch số 70/KH-UBND ngày 07/3/2022 thực hiện Chiến lược GDNN giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn 2045 trên địa bàn tỉnh Sơn La.

a) Nội dung và hình thức tuyên truyền

Tỉnh Sơn La đã triển khai công tác tuyên truyền GDNN theo hướng đa dạng hóa hình thức, tập trung vào đối tượng trọng tâm, phù hợp với điều kiện miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Nội dung tuyên truyền chủ yếu:
 - + Chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước và của tỉnh về phát triển GDNN;
 - + Vai trò, vị trí của GDNN trong phát triển kinh tế - xã hội, giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững;
 - + Lợi ích của việc học nghề, cơ hội việc làm và thu nhập sau đào tạo;
 - + Các chính sách hỗ trợ đối với người học nghề, nhất là lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, đối tượng chính sách.
- Hình thức tuyên truyền được triển khai linh hoạt thông qua:
 - + Hội nghị quán triệt nghị quyết, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh;
 - + Các chương trình, chuyên mục tuyên truyền trên Báo Sơn La, Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh, hệ thống truyền thanh cơ sở;
 - + Công thông tin điện tử của các sở, ngành, địa phương và các cơ sở GDNN;
 - + Hoạt động tư vấn hướng nghiệp trực tiếp tại các trường trung học cơ sở, trung học phổ thông;
 - + Lồng ghép tuyên truyền trong các hội chợ việc làm, phiên giao dịch việc làm, các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn.

b) Kết quả đạt được

Thông qua công tác tuyên truyền, nhận thức của cấp ủy, chính quyền các cấp và một bộ phận Nhân dân về vai trò của GDNN đã có chuyển biến tích cực. GDNN từng bước được nhìn nhận không chỉ là giải pháp đào tạo nghề ngắn hạn mà là kênh đào tạo chính quy, góp phần cung cấp nguồn nhân lực trực tiếp cho phát triển sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trên địa bàn tỉnh.

Các cơ sở GDNN đã chủ động phối hợp với các trường phổ thông trong tổ chức tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện cho học sinh tiếp cận sớm với môi trường học nghề. Nhờ đó, số lượng người học tham gia GDNN có xu hướng tăng qua các năm, đặc biệt ở các ngành nghề phục vụ nông nghiệp, dịch vụ, du lịch và y tế.

Công tác tuyên truyền cũng góp phần nâng cao nhận thức của người lao động nông thôn về vai trò của học nghề gắn với chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, từng bước nâng cao năng suất lao động và thu nhập.

2. Công tác phân luồng học sinh vào giáo dục nghề nghiệp

a) Công tác chỉ đạo và tổ chức thực hiện phân luồng

Thực hiện các chủ trương của Trung ương và của tỉnh về giáo dục hướng nghiệp và phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông, tỉnh Sơn La đã ban hành và triển khai các kế hoạch nhằm tăng cường phân luồng học sinh sau trung học cơ sở (THCS) và trung học phổ thông (THPT) vào giáo dục nghề nghiệp.

Công tác phân luồng được triển khai theo hướng:

- Lồng ghép giáo dục hướng nghiệp trong chương trình giáo dục phổ thông;
- Tăng cường phối hợp giữa ngành giáo dục phổ thông, các cơ sở GDNN và chính quyền địa phương;
- Gắn phân luồng với nhu cầu đào tạo nghề, giải quyết việc làm và điều kiện thực tế của từng địa bàn.

Các trường THCS, THPT đã tổ chức hoạt động tư vấn hướng nghiệp cho học sinh thông qua sinh hoạt chuyên đề, tiết học hướng nghiệp, giới thiệu ngành nghề đào tạo, thông tin về nhu cầu lao động và cơ hội việc làm. Các cơ sở GDNN chủ động tham gia tư vấn tuyển sinh, giới thiệu ngành nghề, điều kiện học tập và chính sách hỗ trợ đối với người học.

b) Kết quả đạt được

Công tác phân luồng học sinh vào GDNN trong giai đoạn 2020 - 2025 đã đạt được một số kết quả bước đầu:

- Nhận thức của một bộ phận học sinh và phụ huynh về học nghề có chuyển biến tích cực; số học sinh lựa chọn học nghề sau khi tốt nghiệp THCS và THPT tăng dần qua các năm;
- Các cơ sở GDNN từng bước thu hút được học sinh vào học các ngành nghề phù hợp với nhu cầu thực tiễn của địa phương như: kỹ thuật trồng trọt, chăn nuôi, chế biến nông sản, du lịch, y tế, công nghệ thông tin;
- Công tác phân luồng đã góp phần giảm áp lực tuyển sinh vào giáo dục đại học, đồng thời tạo điều kiện cho học sinh có nhiều lựa chọn học tập phù hợp với năng lực, điều kiện kinh tế gia đình và nhu cầu xã hội.

Việc kết hợp phân luồng với đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo ngắn hạn gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương đã giúp một bộ phận học sinh, thanh niên sớm có kỹ năng nghề, tham gia thị trường lao động và tạo thu nhập ổn định.

3. Về mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Thực trạng mạng lưới cơ sở GDNN trước khi sắp xếp

Mạng lưới cơ sở GDNN được sắp xếp, thực hiện theo Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 143/2016/NĐ-CP ngày 14/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm và số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 120/2020/NĐ-CP ngày 17/12/2020 của Chính phủ quy định về thành lập, tổ chức lại, giải thể đơn vị sự

ng nghiệp công lập; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 24/2022/NĐ-CP ngày 06/4/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung các nghị định quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; Thông tư số 15/2021/TT-BLĐTBXH ngày 21/10/2021 của Bộ trưởng Lao động-Thương binh và Xã hội quy định về Điều lệ trường cao đẳng.

Trước khi kiện toàn, sắp xếp, tỉnh Sơn La có 03 trường cao đẳng, 02 trường trung cấp (Trường Cao đẳng Sơn La; Trường Cao đẳng Y tế Sơn La; Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La; Trường Trung cấp Luật Tây Bắc; Trường Trung cấp Văn hoá, Nghệ thuật, Du lịch tỉnh Sơn La).

Mặc dù cơ bản đáp ứng yêu cầu đào tạo nghề cho người lao động, song mạng lưới cơ sở GDNN còn bộc lộ một số hạn chế như:

- Quy mô đào tạo phân tán, ngành nghề đào tạo giữa các cơ sở còn trùng lặp;
- Nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhà giáo bị dàn trải;
- Hiệu quả sử dụng cơ sở vật chất, đội ngũ chưa cao;
- Khó khăn trong việc tập trung đầu tư chiều sâu cho các ngành nghề trọng điểm, ngành nghề mới.

Những hạn chế trên ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo và khả năng đáp ứng nhu cầu nhân lực của thị trường lao động, nhất là trong bối cảnh yêu cầu đổi mới GDNN ngày càng cao.

b) Công tác sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở GDNN

Thực hiện chủ trương của Trung ương về đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị quyết số 19-NQ/TW, tỉnh Sơn La đã tiến hành rà soát, xây dựng và triển khai Đề án kiện toàn, sắp xếp các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh. Ngày 05/5/2023, UBND tỉnh ban hành Đề án số 709A/ĐA-UBND về kiện toàn, sắp xếp các trường cao đẳng, trung cấp trên địa bàn tỉnh Sơn La; Ngày 05/7/2023, Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội đã ban hành Quyết định số 864/QĐ-LĐTBXH về việc sáp nhập Trường Trung cấp Văn hóa, Nghệ thuật và Du lịch và Trường Trung cấp Luật Tây Bắc vào Trường Cao đẳng Sơn La và UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch 85/KH-UBND ngày 19/7/2023 tổ chức triển khai thực hiện Quyết định số 864/QĐ-LĐTBXH ngày 05/7/2023 của Bộ trưởng Bộ Lao động-Thương binh và Xã hội. Do đó, hiện nay trên địa bàn tỉnh Sơn La có 03 trường cao đẳng (*Trường Cao đẳng Sơn La; Cao đẳng Y tế Sơn La; Cao đẳng Kỹ thuật công nghệ Sơn La*).

Quá trình sắp xếp được thực hiện theo lộ trình, bảo đảm:

- Ổn định tổ chức bộ máy và tâm lý của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo;
- Không làm gián đoạn hoạt động đào tạo;
- Bảo đảm quyền lợi của người học và người lao động.

c) Kết quả và hiệu quả sau sắp xếp

Việc sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở GDNN đã mang lại những kết quả và hiệu quả rõ nét:

- Giảm đầu mỗi quản lý, tinh giản bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN;
- Khắc phục cơ bản tình trạng trùng lặp ngành, nghề đào tạo giữa các cơ sở;
- Tập trung nguồn lực đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị, đội ngũ nhà giáo cho các ngành nghề đào tạo chủ lực;
- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chất lượng cao, đào tạo theo nhu cầu xã hội và doanh nghiệp.

Sau sắp xếp, các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh từng bước phát huy vai trò là trung tâm đào tạo nghề của tỉnh, mở rộng liên kết với doanh nghiệp trong đào tạo và giải quyết việc làm cho người học.

4. Về tuyển sinh và đào tạo

a) Quy mô và cơ cấu tuyển sinh, đào tạo

Trong giai đoạn 2021 - tháng 6/2025, công tác tuyển sinh và đào tạo giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La được triển khai đồng bộ ở các trình độ và hình thức đào tạo, cơ bản đáp ứng nhu cầu học nghề của người lao động và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Toàn tỉnh đã tuyển sinh và đào tạo khoảng 82.933 người, bao gồm:

- Trình độ đại học: 825 người
- Trình độ cao đẳng: 2.615 người;
- Trình độ trung cấp: 10.450 người;
- Trình độ sơ cấp: 12.849 người;
- Đào tạo thường xuyên dưới 03 tháng: 10.489 người;
- Đào tạo, chuyển giao khoa học kỹ thuật, công nghệ: 25.900 người;
- Đào tạo phục vụ khu công nghiệp, doanh nghiệp: 19.805 người.

Quy mô đào tạo hàng năm cơ bản đạt và vượt kế hoạch được giao. Cơ cấu trình độ đào tạo phù hợp với đặc điểm của tỉnh miền núi, trong đó đào tạo sơ cấp và đào tạo ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn, góp phần nhanh chóng trang bị kỹ năng nghề cho lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số.

b) Ngành, nghề và lĩnh vực đào tạo

Công tác đào tạo nghề được điều chỉnh theo hướng gắn với nhu cầu thực tiễn của địa phương và thị trường lao động, tập trung vào các nhóm ngành, nghề:

- Nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi, thú y, chế biến nông sản);
- Du lịch, dịch vụ, văn hóa - du lịch cộng đồng;
- Y tế và chăm sóc sức khỏe;

- Công nghệ thông tin và ứng dụng công nghệ số cơ bản;
- Cơ khí, điện, điện tử, kỹ thuật công trình.

Các cơ sở GDNN đã từng bước rà soát, điều chỉnh chương trình đào tạo theo mô đun, tín chỉ; tăng cường đào tạo thực hành; chú trọng đào tạo kỹ năng nghề gắn với sản xuất, kinh doanh tại địa phương. Một số ngành nghề đào tạo đã bước đầu đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động trong và ngoài tỉnh.

c) Đào tạo cho lao động nông thôn và đối tượng đặc thù

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn tiếp tục là trọng tâm trong công tác GDNN của tỉnh. Các chương trình đào tạo được tổ chức linh hoạt, gắn với điều kiện sản xuất, sinh kế của người dân, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động nông thôn và nâng cao thu nhập.

Đối tượng tham gia đào tạo nghề chủ yếu là: lao động nông thôn; người dân tộc thiểu số; lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo; thanh niên, lao động trẻ chưa có việc làm ổn định.

Thông qua đào tạo nghề, một bộ phận người lao động đã được trang bị kỹ năng nghề cơ bản, có khả năng tự tạo việc làm hoặc tham gia làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, cơ sở sản xuất trong và ngoài tỉnh.

d) Chất lượng và hiệu quả đào tạo

Chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên; phương pháp đào tạo được đổi mới theo hướng tăng cường thực hành, gắn với thực tiễn sản xuất. Nhiều người học sau đào tạo có việc làm hoặc cải thiện đáng kể năng suất lao động, thu nhập, nhất là trong lĩnh vực nông nghiệp và dịch vụ.

Tuy nhiên, hiệu quả đào tạo chưa đồng đều giữa các ngành, nghề và địa bàn; một số ngành nghề đào tạo chưa gắn chặt với nhu cầu việc làm ổn định, thu nhập chưa cao; tỷ lệ lao động có việc làm bền vững sau đào tạo còn hạn chế, nhất là tại khu vực vùng sâu, vùng xa.

5. Về các điều kiện bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp

a) Về chương trình, nội dung và phương thức đào tạo

Trong giai đoạn 2020 - 2025, các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La đã từng bước đổi mới chương trình đào tạo theo hướng tiếp cận năng lực người học, tăng cường thực hành, gắn với nhu cầu của thị trường lao động.

Các chương trình đào tạo được rà soát, điều chỉnh và xây dựng theo mô đun, tín chỉ, bảo đảm tính linh hoạt, tạo điều kiện cho người học dễ tiếp cận, học tập suốt đời và chuyển đổi nghề nghiệp. Đến năm 2025, 100% chương trình đào tạo GDNN đã được xây dựng theo mô đun, trong đó một số chương trình đã tích hợp nội dung kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng làm việc trong môi trường sản xuất, dịch vụ hiện đại.

Phương thức đào tạo được đổi mới theo hướng:

- Kết hợp đào tạo trực tiếp với đào tạo trực tuyến, đào tạo từ xa;
- Tăng thời lượng thực hành, thực tập tại cơ sở sản xuất, doanh nghiệp;

- Tổ chức đào tạo ngắn hạn, đào tạo theo nhu cầu của địa phương và doanh nghiệp.

Một số cơ sở GDNN đã bước đầu triển khai đào tạo theo đơn đặt hàng, đào tạo gắn với vị trí việc làm; tuy nhiên, phạm vi triển khai còn hạn chế, chủ yếu tập trung ở các ngành nghề truyền thống.

b) Về cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo

Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo GDNN được tỉnh quan tâm đầu tư từ ngân sách nhà nước, lồng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác. Các trường cao đẳng cơ bản có hệ thống phòng học, xưởng thực hành, trang thiết bị tối thiểu đáp ứng yêu cầu đào tạo các ngành nghề chủ yếu.

Việc đầu tư cơ sở vật chất từng bước được tập trung hơn sau khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở GDNN; một số xưởng thực hành, phòng học chuyên dùng được nâng cấp, cải tạo, góp phần nâng cao điều kiện dạy và học.

Tuy nhiên, trang thiết bị đào tạo ở nhiều ngành nghề còn thiếu và chưa đồng bộ, nhất là các ngành nghề mới, ngành nghề gắn với công nghệ cao; một số thiết bị đã lạc hậu, chưa theo kịp yêu cầu công nghệ của doanh nghiệp; khả năng đầu tư nâng cấp, hiện đại hóa cơ sở vật chất còn hạn chế do nguồn lực tài chính của tỉnh còn khó khăn.

Việc liên kết, sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị với doanh nghiệp mới ở giai đoạn bước đầu, chưa trở thành giải pháp phổ biến.

c) Về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN trên địa bàn tỉnh được quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, từng bước chuẩn hóa theo quy định. Số lượng nhà giáo cơ bản đáp ứng yêu cầu giảng dạy các ngành nghề hiện có; công tác bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng sư phạm nghề được triển khai thường xuyên.

Hằng năm, các cơ sở GDNN đã cử cán bộ quản lý, nhà giáo tham gia các lớp bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng nghề, kỹ năng số; từng bước đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo và chuyển đổi số trong GDNN.

Bên cạnh những kết quả đạt được, đội ngũ nhà giáo GDNN vẫn còn một số hạn chế: thiếu giáo viên có trình độ cao, kinh nghiệm thực tiễn sâu ở các ngành nghề mới, kỹ năng mới; một bộ phận nhà giáo chưa theo kịp yêu cầu đổi mới phương pháp đào tạo và ứng dụng công nghệ thông tin; việc huy động chuyên gia, kỹ sư, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao tham gia giảng dạy còn hạn chế, chưa thường xuyên.

d) Đánh giá chung

Các điều kiện bảo đảm chất lượng GDNN của tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2020 - 2025 đã có bước cải thiện rõ rệt, tạo nền tảng cho việc nâng cao chất lượng đào tạo nghề. Tuy nhiên, so với yêu cầu phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, ngành nghề mới và kỹ năng tương lai, các điều kiện này vẫn còn chưa đáp ứng đầy đủ, nhất là về trang thiết bị đào tạo hiện đại và đội ngũ nhà giáo chất lượng cao.

6. Về chất lượng và hiệu quả giáo dục nghề nghiệp

a) Việc làm của người học sau đào tạo

Trong giai đoạn 2020 - 2025, chất lượng đào tạo GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La từng bước được nâng lên, thể hiện qua khả năng tham gia thị trường lao động của người học sau đào tạo. Phần lớn người học sau khi hoàn thành chương trình đào tạo nghề đã có việc làm hoặc tự tạo việc làm, nhất là đối với các ngành nghề gắn với sản xuất nông nghiệp, dịch vụ, du lịch và lao động làm việc ngoài tỉnh.

Thông qua các hoạt động kết nối cung - cầu lao động, tư vấn việc làm, nhiều học viên tốt nghiệp trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng đã được giới thiệu làm việc tại các doanh nghiệp, hợp tác xã trên địa bàn tỉnh; các khu công nghiệp trong và ngoài tỉnh; các cơ sở sản xuất, kinh doanh hộ gia đình và mô hình kinh tế tập thể.

Đào tạo nghề cho lao động nông thôn, đào tạo ngắn hạn gắn với sinh kế đã giúp người học áp dụng trực tiếp kiến thức, kỹ năng vào sản xuất, góp phần nâng cao năng suất lao động và tạo việc làm tại chỗ, hạn chế tình trạng di cư lao động tự phát.

b) Thu nhập và tính bền vững của việc làm

Thu nhập của người lao động sau đào tạo nghề có xu hướng cao hơn so với lao động chưa qua đào tạo, đặc biệt là lao động làm việc tại doanh nghiệp, khu công nghiệp hoặc đi làm việc ngoài tỉnh. Một bộ phận người lao động sau đào tạo đã có việc làm tương đối ổn định, thu nhập bảo đảm cuộc sống và từng bước cải thiện điều kiện sinh hoạt của gia đình.

Mặc dù vậy, thu nhập của người lao động sau đào tạo nghề tại địa phương chưa cao, chưa thật sự hấp dẫn so với các khu vực kinh tế phát triển; việc làm bền vững sau đào tạo còn hạn chế, nhất là đối với lao động nông thôn, lao động vùng sâu, vùng xa; lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, dịch vụ nhỏ lẻ dễ bị tác động bởi biến động thị trường, thiên tai và điều kiện sản xuất.

c) Mức độ đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động

Chất lượng đào tạo GDNN từng bước được cải thiện theo hướng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của thị trường lao động. Một số ngành nghề đào tạo đã cơ bản đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp về kỹ năng nghề, tác phong làm việc và kỷ luật lao động.

Các cơ sở GDNN đã chú trọng tăng cường đào tạo thực hành, tổ chức cho người học thực tập tại doanh nghiệp; từng bước gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng. Tuy nhiên, mức độ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp chưa đồng đều giữa các ngành nghề, nhất là đối với các ngành nghề mới, ngành nghề đòi hỏi trình độ công nghệ cao; các vị trí việc làm yêu cầu kỹ năng số, kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng mềm.

Một số doanh nghiệp vẫn phải tổ chức đào tạo lại hoặc bồi dưỡng thêm kỹ năng cho người lao động sau khi tuyển dụng.

d) Hiệu quả xã hội của giáo dục nghề nghiệp

Giáo dục nghề nghiệp đã góp phần quan trọng trong việc: giải quyết việc làm cho người lao động, nhất là lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số; chuyên dịch cơ cấu lao động theo hướng giảm dần lao động nông nghiệp thuần túy; góp phần giảm nghèo bền vững, bảo đảm an sinh xã hội và ổn định trật tự xã hội trên địa bàn tỉnh.

Thông qua đào tạo nghề, nhiều hộ gia đình đã cải thiện thu nhập, nâng cao mức sống; một bộ phận lao động trẻ được trang bị kỹ năng nghề, có cơ hội tiếp cận việc làm tốt hơn.

7. Về nguồn lực tài chính cho giáo dục nghề nghiệp và các cơ chế, chính sách của địa phương

a) Nguồn lực tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

Trong giai đoạn 2020 - 2025, nguồn lực tài chính cho GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La chủ yếu được bảo đảm từ ngân sách nhà nước, đồng thời lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia và một số chương trình, dự án khác.

Ngân sách địa phương dành cho GDNN tập trung vào các nội dung: chi thường xuyên cho hoạt động của các cơ sở GDNN công lập; đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; hỗ trợ đào tạo nghề cho lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số, hộ nghèo, cận nghèo và các đối tượng chính sách; thực hiện các nhiệm vụ đào tạo nghề gắn với giải quyết việc làm, giảm nghèo bền vững.

Việc bố trí, phân bổ kinh phí cho GDNN cơ bản tuân thủ các quy định của Trung ương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và điều kiện kinh tế - xã hội địa phương.

b) Hiệu quả sử dụng nguồn lực tài chính

Nguồn lực tài chính dành cho GDNN đã góp phần quan trọng trong việc duy trì và ổn định hoạt động của các cơ sở GDNN; nâng cấp một số hạng mục cơ sở vật chất, xưởng thực hành, trang thiết bị đào tạo; tổ chức đào tạo nghề cho hàng chục nghìn lượt lao động, đặc biệt là lao động nông thôn và người dân tộc thiểu số.

Sau khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở GDNN, việc sử dụng ngân sách từng bước được tập trung hơn, hạn chế dàn trải, góp phần nâng cao hiệu quả đầu tư cho đào tạo nghề.

Tuy nhiên, do nguồn lực ngân sách của tỉnh còn hạn chế, mức đầu tư cho GDNN chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành nghề mới, ngành nghề chất lượng cao, nhất là các ngành nghề gắn với công nghệ hiện đại, chuyển đổi số và kinh tế xanh.

c) Công tác xã hội hóa và huy động nguồn lực ngoài ngân sách

Công tác xã hội hóa GDNN trên địa bàn tỉnh đã được quan tâm triển khai, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, liên kết đào tạo nghề. Một số cơ sở GDNN đã bước đầu thực hiện: liên kết đào tạo với doanh nghiệp; tổ chức đào tạo theo đơn đặt hàng; phối hợp doanh nghiệp trong tổ chức thực tập, thực hành cho người học.

Tuy vậy, nhìn chung mức độ xã hội hóa GDNN còn thấp; sự tham gia đầu tư trực tiếp của doanh nghiệp vào cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo còn hạn chế; các cơ chế khuyến khích doanh nghiệp tham gia sâu vào GDNN chưa đủ mạnh để tạo sức hút.

Nguyên nhân chủ yếu là do quy mô doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ, năng lực tài chính hạn chế; lợi ích kinh tế từ đầu tư vào GDNN chưa rõ ràng, chưa tạo được động lực lâu dài cho doanh nghiệp.

d) Các cơ chế, chính sách tài chính của địa phương đối với GDNN

Tỉnh Sơn La đã ban hành và triển khai một số cơ chế, chính sách hỗ trợ GDNN, tập trung vào việc hỗ trợ chi phí học nghề cho các đối tượng chính sách; hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị cho các cơ sở GDNN; lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia để tổ chức đào tạo nghề gắn với giảm nghèo và phát triển kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, các cơ chế, chính sách tài chính cho GDNN còn một số hạn chế: mức hỗ trợ còn thấp, chưa đủ để tạo đột phá trong nâng cao chất lượng đào tạo; chưa có chính sách đặc thù đủ mạnh để thu hút doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo ngành nghề mới, kỹ năng mới; chưa hình thành cơ chế đặt hàng đào tạo ổn định, dài hạn từ phía doanh nghiệp và Nhà nước.

đ) Đánh giá chung

Nguồn lực tài chính cho GDNN của tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2020 - 2025 đã góp phần duy trì và phát triển hệ thống GDNN, song chưa đáp ứng yêu cầu phát triển GDNN theo hướng hiện đại, chất lượng cao. Việc tăng cường đầu tư có trọng tâm, trọng điểm; đa dạng hóa nguồn lực; hoàn thiện cơ chế khuyến khích xã hội hóa là yêu cầu cấp thiết trong giai đoạn tới.

8. Về hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp

a) Thực trạng hợp tác quốc tế trong giáo dục nghề nghiệp

Trong giai đoạn 2020 - 2025, hoạt động hợp tác quốc tế trong lĩnh vực GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La còn ở mức độ hạn chế, chưa trở thành một hoạt động thường xuyên, trọng tâm trong phát triển GDNN của tỉnh.

Các hoạt động hợp tác quốc tế chủ yếu tập trung vào:

- Thực hiện kế hoạch hợp tác giáo dục và đào tạo giữa tỉnh Sơn La với các tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào. UBND tỉnh đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ đào tạo tiếng Việt và đào tạo nguồn nhân lực thuộc các cấp trình độ cho LHS, cán bộ của 09 tỉnh phía Bắc nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào cho các trường cao đẳng, đại học trên địa bàn với các lĩnh vực ngành nghề phù hợp. Trong thời gian qua, tỉnh Sơn La đã đào tạo các trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ cho trên 2.500 lưu học sinh của nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào và bồi dưỡng tiếng Việt cho hơn 4.300 lượt lưu học sinh Lào. Hiện nay, trên địa bàn tỉnh Sơn La có 412 lưu học sinh Lào đang học tiếng Việt và 618 lưu học sinh đang học chuyên ngành tại các trường trung cấp, cao đẳng, đại học;

- Tiếp cận, nghiên cứu, học tập kinh nghiệm về mô hình đào tạo nghề, chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy thông qua các dự án, chương trình hỗ trợ kỹ thuật;

- Tham gia một số hoạt động tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, nhà giáo GDNN do các tổ chức, dự án quốc tế hỗ trợ.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa triển khai các chương trình liên kết đào tạo chính quy với nước ngoài, chưa có hoạt động đào tạo nghề cho người nước ngoài; việc

tiếp nhận chương trình, giáo trình, công nghệ đào tạo tiên tiến từ các nước phát triển còn rất hạn chế.

b) Kết quả bước đầu đạt được

Mặc dù phạm vi hợp tác quốc tế trong GDNN còn hẹp, song thông qua các hoạt động tiếp cận, học tập kinh nghiệm, một số cơ sở GDNN đã bước đầu nâng cao nhận thức của đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về xu hướng phát triển GDNN hiện đại; từng bước tiếp cận các phương pháp đào tạo theo năng lực, đào tạo gắn với doanh nghiệp; bổ sung, cập nhật một số nội dung đào tạo, kỹ năng nghề và kỹ năng mềm phù hợp với yêu cầu hội nhập.

Những kết quả này góp phần hỗ trợ quá trình đổi mới chương trình, phương thức đào tạo và nâng cao chất lượng GDNN trên địa bàn tỉnh, dù chưa mang tính đột phá.

IV. MỘT SỐ MÔ HÌNH HAY, CÁCH LÀM HIỆU QUẢ TRONG PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP

Trong giai đoạn 2020 - 2025, mặc dù còn nhiều khó khăn về điều kiện kinh tế - xã hội và nguồn lực đầu tư, tỉnh Sơn La đã từng bước hình thành một số mô hình và cách làm hiệu quả trong phát triển GDNN, phù hợp với đặc thù tỉnh miền núi, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, giải quyết việc làm và phát triển nguồn nhân lực tại chỗ. Cụ thể:

1. Mô hình đào tạo nghề gắn với nhu cầu thực tiễn địa phương và sinh kế người dân

Một trong những mô hình nổi bật là đào tạo nghề gắn với sinh kế, sản xuất và nhu cầu thực tiễn của người dân, đặc biệt tại khu vực nông thôn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các ngành nghề đào tạo được lựa chọn sát với điều kiện tự nhiên, tập quán sản xuất và định hướng phát triển kinh tế của từng địa bàn như: trồng trọt, chăn nuôi, thú y, chế biến nông sản, du lịch cộng đồng, dịch vụ nông thôn.

Cách làm hiệu quả của mô hình này đó là:

- Lựa chọn ngành nghề đào tạo trên cơ sở khảo sát nhu cầu thực tế của người dân và địa phương;

- Tổ chức đào tạo linh hoạt, chú trọng thực hành, “cầm tay chỉ việc”;

- Gắn đào tạo với chuyển giao khoa học kỹ thuật và hỗ trợ áp dụng sau đào tạo.

Nhờ cách làm này, người học có thể áp dụng ngay kiến thức, kỹ năng vào sản xuất, tạo việc làm tại chỗ, nâng cao thu nhập và hạn chế di cư lao động tự phát.

2. Mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với giảm nghèo bền vững

Tỉnh Sơn La đã triển khai hiệu quả mô hình đào tạo nghề cho lao động nông thôn gắn với các chương trình mục tiêu quốc gia, đặc biệt là chương trình giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới.

Mô hình này tập trung vào lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; lao động là người dân tộc thiểu số; thanh niên nông thôn chưa có việc làm ổn định.

Cách làm hiệu quả là lồng ghép đào tạo nghề với hỗ trợ giống, vốn, kỹ thuật và kết nối tiêu thụ sản phẩm. Qua đó, đào tạo nghề không chỉ dừng lại ở việc cấp chứng chỉ mà thực sự tạo ra sinh kế bền vững cho người học.

3. Mô hình sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở GDNN theo hướng tinh gọn, hiệu quả

Việc sắp xếp, sáp nhập các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh là một cách làm mang tính đột phá trong giai đoạn vừa qua. Thông qua việc giảm đầu mối, tập trung nguồn lực, tỉnh đã khắc phục được tình trạng manh mún, trùng lặp trong đào tạo.

Hiệu quả của mô hình thể hiện ở việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về GDNN; tập trung đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ nhà giáo; tạo điều kiện xây dựng các chương trình đào tạo có chất lượng, gắn với nhu cầu thị trường lao động.

Đây là mô hình phù hợp với các địa phương miền núi, có nguồn lực hạn chế, cần tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm.

4. Mô hình gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động

Một số cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đã chủ động xây dựng mối liên kết với doanh nghiệp, nhất là trong các khâu tư vấn tuyển sinh, tổ chức thực hành, thực tập và giới thiệu việc làm cho người học.

Cách làm hiệu quả bao gồm: phối hợp doanh nghiệp trong xây dựng chương trình đào tạo; tổ chức cho học viên thực tập, trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp; gắn đào tạo với nhu cầu tuyển dụng thực tế.

Mặc dù quy mô liên kết còn hạn chế, song mô hình này đã góp phần nâng cao tính thực tiễn của đào tạo, giúp người học thích ứng nhanh với môi trường làm việc sau tốt nghiệp.

5. Mô hình đổi mới phương thức đào tạo gắn với chuyển đổi số trong GDNN

Trong điều kiện nguồn lực còn hạn chế, tỉnh Sơn La đã từng bước triển khai đổi mới phương thức đào tạo gắn với chuyển đổi số được thực hiện thông qua việc:

- Áp dụng đào tạo theo mô đun, tín chỉ;
- Kết hợp đào tạo trực tiếp với trực tuyến;
- Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và giảng dạy.

Mô hình này góp phần mở rộng cơ hội tiếp cận GDNN cho người học ở vùng sâu, vùng xa, đồng thời tạo tiền đề cho việc phát triển đào tạo kỹ năng số trong GDNN.

6. Đánh giá khả năng nhân rộng

Các mô hình, cách làm nêu trên phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh Sơn La, có tính thực tiễn cao và khả năng nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo. Tuy nhiên, để nhân rộng hiệu quả, cần có sự hỗ trợ mạnh mẽ hơn về cơ chế, chính sách, nguồn lực và sự tham gia tích cực của doanh nghiệp.

V. ĐÁNH GIÁ CHUNG VÀ BÀI HỌC KINH NGHIỆM

1. Những ưu điểm

Giai đoạn 2020 - 2025, công tác phát triển GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần quan trọng vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Thứ nhất, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền đối với GDNN ngày càng rõ nét. GDNN được xác định là một trong những giải pháp trọng tâm trong phát triển nguồn nhân lực, được thể chế hóa bằng các nghị quyết, kế hoạch, đề án cụ thể, bảo đảm tính thống nhất và đồng bộ trong triển khai.

Thứ hai, mạng lưới cơ sở GDNN được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hiệu quả, khắc phục tình trạng manh mún, trùng lặp ngành nghề đào tạo, tạo điều kiện tập trung nguồn lực đầu tư và nâng cao chất lượng đào tạo.

Thứ ba, quy mô và cơ cấu đào tạo GDNN từng bước được mở rộng và điều chỉnh phù hợp với đặc điểm tỉnh miền núi, trong đó chú trọng đào tạo sơ cấp, đào tạo ngắn hạn và đào tạo nghề cho lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số, góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động và giảm nghèo bền vững.

Thứ tư, chất lượng đào tạo từng bước được nâng lên, phương thức đào tạo được đổi mới theo hướng tăng cường thực hành, gắn với nhu cầu thực tiễn; một bộ phận người học sau đào tạo có việc làm, thu nhập ổn định, góp phần nâng cao đời sống Nhân dân và bảo đảm an sinh xã hội.

Thứ năm, một số mô hình, cách làm hiệu quả trong phát triển GDNN đã được hình thành, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, tạo tiền đề cho việc nhân rộng trong giai đoạn tiếp theo.

2. Một số khó khăn, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác phát triển GDNN của tỉnh Sơn La vẫn còn một số khó khăn, hạn chế:

- Nhận thức của một bộ phận xã hội về vai trò của GDNN chưa đầy đủ; tâm lý chuộng bằng cấp, coi nhẹ học nghề vẫn còn phổ biến, ảnh hưởng đến công tác phân luồng học sinh;

- Chất lượng đào tạo GDNN chưa đồng đều giữa các ngành nghề và địa bàn; một số ngành nghề đào tạo chưa đáp ứng tốt yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động;

- Việc làm và thu nhập của người lao động sau đào tạo chưa thật sự bền vững, nhất là tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa;

- Cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo ở một số cơ sở GDNN còn thiếu và chưa đồng bộ; đội ngũ nhà giáo còn hạn chế về khả năng tiếp cận công nghệ mới và đào tạo ngành nghề mới;

- Nguồn lực tài chính dành cho GDNN còn hạn chế; công tác xã hội hóa và thu hút doanh nghiệp tham gia GDNN chưa đạt yêu cầu;

- Hoạt động hợp tác quốc tế trong GDNN còn ở mức thấp, chưa tạo được tác động rõ nét đến nâng cao chất lượng đào tạo.

3. Nguyên nhân của những hạn chế

Những hạn chế nêu trên xuất phát từ các nguyên nhân khách quan và chủ quan:

- Sơn La là tỉnh miền núi, điều kiện kinh tế - xã hội còn nhiều khó khăn, mặt bằng dân trí không đồng đều, ảnh hưởng đến khả năng tiếp cận GDNN và tạo việc làm bền vững;

- Quy mô doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh còn nhỏ, sức hấp dẫn của thị trường lao động chưa cao, làm giảm động lực học nghề và khả năng gắn kết đào tạo với doanh nghiệp;

- Nguồn lực đầu tư cho GDNN còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển các ngành nghề mới, ngành nghề chất lượng cao;

- Công tác dự báo nhu cầu nhân lực và định hướng đào tạo theo thị trường lao động chưa theo kịp sự biến động của nền kinh tế và yêu cầu chuyển đổi số.

4. Một số bài học kinh nghiệm

Từ thực tiễn phát triển GDNN giai đoạn 2020 - 2025, tỉnh Sơn La rút ra một số bài học kinh nghiệm chủ yếu sau:

Thứ nhất, cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo thống nhất, xuyên suốt của các cấp ủy đảng, chính quyền trong phát triển GDNN, gắn GDNN với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Thứ hai, phát triển GDNN phải xuất phát từ nhu cầu thực tiễn của thị trường lao động, gắn đào tạo với giải quyết việc làm và sinh kế bền vững cho người học.

Thứ ba, cần tập trung nguồn lực đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải; ưu tiên các ngành nghề phù hợp với lợi thế và định hướng phát triển của tỉnh.

Thứ tư, đẩy mạnh phối hợp giữa nhà nước - nhà trường - doanh nghiệp, coi doanh nghiệp là chủ thể quan trọng trong đào tạo nghề.

Thứ năm, chú trọng nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý GDNN, gắn đào tạo, bồi dưỡng với yêu cầu đổi mới chương trình và chuyển đổi số.

Thứ sáu, tăng cường công tác tuyên truyền, thay đổi nhận thức xã hội về GDNN, tạo sự đồng thuận và ủng hộ của Nhân dân đối với học nghề.

PHẦN THỨ HAI TÌNH HÌNH ĐÀO TẠO CÁC NGÀNH NGHỀ MỚI, KỸ NĂNG MỚI, KỸ NĂNG TƯỞNG LAI

I. DANH MỤC CÁC NGÀNH, NGHỀ MỚI ĐÃ VÀ ĐANG ĐÀO TẠO

1. Các ngành, nghề gắn với kinh tế số, chuyển đổi số, tự động hóa, logistics, năng lượng tái tạo, môi trường, chăm sóc sức khỏe, dịch vụ chất lượng cao

a) Quy mô đào tạo và hình thức đào tạo

Trong giai đoạn 2020 - 2025, cùng với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế và yêu cầu phát triển các lĩnh vực mới, tỉnh Sơn La đã từng bước triển khai đào tạo một số ngành, nghề mới trong hệ thống giáo dục nghề nghiệp, phù hợp với điều kiện và nhu cầu thực tiễn của địa phương.

Các ngành, nghề mới đã và đang được đào tạo chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực:

- Công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ số ở mức độ cơ bản và ứng dụng;
- Du lịch, dịch vụ chất lượng cao, du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái;
- Y tế, chăm sóc sức khỏe, đặc biệt là điều dưỡng, y sĩ trình độ trung cấp, cao đẳng;
- Kỹ thuật điện, điện tử, tự động hóa ở mức độ cơ bản phục vụ sản xuất và dịch vụ;
- Môi trường, an toàn lao động, gắn với yêu cầu phát triển bền vững.

Quy mô đào tạo các ngành, nghề mới còn khiêm tốn, chủ yếu triển khai tại các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh. Hình thức đào tạo đa dạng, bao gồm: Đào tạo chính quy trình độ cao đẳng, trung cấp; đào tạo ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng kỹ năng; đào tạo theo nhu cầu của địa phương và doanh nghiệp; đào tạo kết hợp trực tiếp với trực tuyến đối với một số nội dung phù hợp.

Việc triển khai đào tạo các ngành, nghề mới bước đầu đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, song chưa hình thành được quy mô lớn, ổn định.

b) Đánh giá kết quả đào tạo

**) Về mức độ đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*

Các ngành, nghề mới được đào tạo cơ bản phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, nhất là trong các lĩnh vực sau:

- Phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng;
- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, doanh nghiệp và dịch vụ;
- Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe Nhân dân;
- Từng bước đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

Một bộ phận người học sau đào tạo đã tham gia làm việc tại các cơ sở y tế, doanh nghiệp dịch vụ, cơ sở du lịch, đơn vị ứng dụng công nghệ thông tin hoặc tự tạo việc làm thông qua hoạt động sản xuất, kinh doanh nhỏ.

**) Về sự gắn kết với doanh nghiệp, khu công nghiệp, khu kinh tế*

Mối liên kết giữa đào tạo các ngành, nghề mới với doanh nghiệp bước đầu được hình thành thông qua: tổ chức thực tập, thực hành tại doanh nghiệp; tham gia góp ý xây dựng chương trình đào tạo; hỗ trợ giới thiệu việc làm sau đào tạo.

Tuy nhiên, do số lượng doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực kinh tế số, công nghệ cao, dịch vụ chất lượng cao trên địa bàn tỉnh còn ít, nên mức độ gắn kết chưa chặt chẽ, chưa hình thành được chuỗi đào tạo – sử dụng lao động ổn định.

c) Khó khăn, vướng mắc

Việc đào tạo các ngành, nghề mới trên địa bàn tỉnh Sơn La còn gặp nhiều khó khăn, vướng mắc:

- Về cơ chế, chính sách: Chưa có cơ chế, chính sách đặc thù đủ mạnh để khuyến khích mở rộng đào tạo các ngành, nghề mới. Việc đặt hàng đào tạo đối với các ngành nghề mới còn hạn chế, thiếu tính ổn định, lâu dài.

- Về chương trình, giáo trình, đội ngũ, thiết bị: Chương trình đào tạo một số ngành, nghề mới chưa được cập nhật kịp thời theo yêu cầu công nghệ; thiếu đội ngũ nhà giáo có trình độ cao, kinh nghiệm thực tiễn trong các lĩnh vực mới; cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo cho các ngành nghề mới còn thiếu và chưa đồng bộ.

- Về liên kết doanh nghiệp: Quy mô doanh nghiệp nhỏ, phân tán; doanh nghiệp chưa thực sự coi đào tạo nghề là trách nhiệm và lợi ích lâu dài; khó thu hút doanh nghiệp tham gia sâu vào đào tạo các ngành nghề mới, kỹ năng mới.

d) Đánh giá chung

Việc đào tạo các ngành, nghề mới tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2020 - 2025 mới ở giai đoạn khởi đầu, bước đầu đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phát triển các lĩnh vực mới, song chưa tạo được bước đột phá về quy mô và chất lượng. Đây là cơ sở thực tiễn quan trọng để tỉnh tiếp tục rà soát, lựa chọn, ưu tiên phát triển các ngành, nghề mới phù hợp trong giai đoạn 2026 - 2030.

2. Đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trong giáo dục nghề nghiệp

Trong bối cảnh chuyển đổi số, chuyển đổi xanh và yêu cầu thích ứng với thay đổi nhanh của khoa học - công nghệ, tỉnh Sơn La đã từng bước quan tâm triển khai đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trong hệ thống GDNN, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương.

a) Các nhóm kỹ năng mới, kỹ năng tương lai đã và đang được đào tạo

Các cơ sở GDNN trên địa bàn tỉnh đã từng bước lồng ghép, tích hợp đào tạo một số nhóm kỹ năng mới, kỹ năng tương lai, trọng tâm là:

- Kỹ năng số cơ bản: sử dụng máy tính, internet, phần mềm văn phòng; ứng dụng công nghệ thông tin trong học tập, sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; từng bước tiếp cận kỹ năng làm việc trong môi trường số;

- Kỹ năng xanh, kỹ năng phát triển bền vững: an toàn lao động, bảo vệ môi trường, sử dụng tài nguyên hiệu quả; áp dụng quy trình sản xuất nông nghiệp an toàn, thân thiện với môi trường;

- Kỹ năng mềm và kỹ năng thích ứng: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, kỷ luật lao động, tác phong công nghiệp; kỹ năng thích ứng với thay đổi công nghệ và môi trường làm việc;

- Kỹ năng đổi mới sáng tạo ở mức độ phù hợp: tư duy cải tiến, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, kinh doanh nhỏ và vừa.

Đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động: bồi dưỡng kỹ năng nghề, cập nhật kỹ thuật mới cho lao động đang làm việc, nhất là trong nông nghiệp, dịch vụ và du lịch.

Việc đào tạo các kỹ năng mới, kỹ năng tương lai được triển khai theo lộ trình phù hợp, chủ yếu ở mức độ cơ bản và ứng dụng, phù hợp với trình độ người học và điều kiện kinh tế - xã hội của tỉnh.

b) Hình thức và phương thức đào tạo

Công tác đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trong GDNN được triển khai với nhiều hình thức, phương thức linh hoạt:

- Đào tạo theo mô đun, tín chỉ, dễ tích hợp kỹ năng mới vào chương trình hiện có;
- Đào tạo ngắn hạn, linh hoạt, phù hợp với người lao động nông thôn, lao động đang làm việc;
- Đào tạo kết hợp trực tiếp - trực tuyến, từng bước mở rộng khả năng tiếp cận cho người học ở vùng sâu, vùng xa;
- Đào tạo tại doanh nghiệp, tại cơ sở sản xuất, gắn với thực tiễn công việc;
- Đào tạo theo nhu cầu của địa phương và xã hội, gắn với sinh kế, sản xuất và dịch vụ tại chỗ.

Việc đa dạng hóa hình thức đào tạo đã góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho người học tiếp cận kỹ năng mới, nhất là các đối tượng yếu thế.

c) Đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động

Các kỹ năng mới, kỹ năng tương lai được đào tạo bước đầu đã đáp ứng một phần yêu cầu của doanh nghiệp và thị trường lao động, nhất là về: Kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản; kỹ năng làm việc nhóm, kỷ luật lao động; khả năng thích ứng với môi trường làm việc mới.

Tuy nhiên, mức độ đáp ứng chưa cao, đặc biệt đối với các kỹ năng chuyên sâu như kỹ năng số nâng cao, kỹ năng công nghệ cao, kỹ năng quản trị hiện đại. Nhiều doanh nghiệp vẫn phải đào tạo bổ sung cho người lao động sau tuyển dụng.

d) Khả năng nhân rộng mô hình đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai

Các mô hình đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trong GDNN của tỉnh Sơn La có khả năng nhân rộng, nhất là đối với: Đào tạo kỹ năng số cơ bản cho người lao động; đào tạo kỹ năng xanh gắn với nông nghiệp bền vững; đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lao động nông thôn và lao động đang làm việc.

Tuy nhiên, để nhân rộng hiệu quả, cần: Có chương trình, lộ trình rõ ràng về đào tạo kỹ năng mới; bổ sung nguồn lực đầu tư cho cơ sở vật chất, trang thiết bị và đội ngũ; tăng cường sự tham gia của doanh nghiệp trong xây dựng và tổ chức đào tạo.

đ) Khó khăn, hạn chế

Việc đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trong GDNN của tỉnh Sơn La còn gặp một số khó khăn:

- Trình độ đầu vào của người học không đồng đều, nhất là lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số;
- Thiếu đội ngũ nhà giáo có khả năng giảng dạy các kỹ năng mới, kỹ năng số nâng cao;
- Cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin còn hạn chế;
- Nguồn lực tài chính dành cho đào tạo kỹ năng mới chưa đáp ứng yêu cầu.

e) Đánh giá chung

Đào tạo kỹ năng mới, kỹ năng tương lai trong GDNN tại tỉnh Sơn La đã được triển khai bước đầu, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, song chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới. Đây là nội dung cần được ưu tiên đầu tư và đổi mới mạnh mẽ hơn trong giai đoạn 2026 - 2030.

II. GẮN KẾT GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP VÀ THỊ TRƯỜNG LAO ĐỘNG

1. Thực trạng doanh nghiệp và thị trường lao động trên địa bàn tỉnh

Tỉnh Sơn La hiện có khoảng 59.800 lao động làm việc trong các loại hình doanh nghiệp và khoảng 10.000 lao động làm việc trong hợp tác xã; ngoài ra, mỗi năm có khoảng 123.000 lao động đi làm việc ngoài tỉnh, chủ yếu tại các khu công nghiệp. Doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hoạt động trong các lĩnh vực nông nghiệp, chế biến nông sản, thương mại - dịch vụ, du lịch, xây dựng và một số lĩnh vực công nghiệp quy mô nhỏ.

Thị trường lao động của tỉnh còn mang tính phân tán, quy mô nhỏ, nhu cầu tuyển dụng lao động kỹ thuật cao chưa lớn; tuy nhiên, nhu cầu về lao động có kỹ năng nghề, kỹ luật lao động, kỹ năng thích ứng ngày càng tăng, nhất là trong các lĩnh vực du lịch, dịch vụ, y tế, chế biến nông sản và lao động làm việc ngoài tỉnh.

Đặc điểm này vừa tạo cơ hội, vừa đặt ra thách thức cho việc gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động.

2. Sự tham gia của doanh nghiệp trong giáo dục nghề nghiệp

Trong giai đoạn 2020 - 2025, sự tham gia của doanh nghiệp vào hoạt động GDNN trên địa bàn tỉnh Sơn La bước đầu được hình thành, chủ yếu tập trung ở một số nội dung sau:

- Tham gia tiếp nhận học sinh, sinh viên thực tập, thực hành tại doanh nghiệp;
- Phối hợp tư vấn, giới thiệu việc làm cho người học sau tốt nghiệp;
- Góp ý xây dựng, điều chỉnh chương trình đào tạo đối với một số ngành nghề;
- Tham gia đào tạo tại doanh nghiệp đối với một số lớp ngắn hạn, đào tạo theo nhu cầu cụ thể.

Một số cơ sở GDNN đã chủ động xây dựng mối quan hệ hợp tác với doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, nhất là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực du lịch, dịch vụ, y tế và chế biến nông sản.

Tuy nhiên, mức độ tham gia của doanh nghiệp vào GDNN còn hạn chế, chưa thường xuyên; doanh nghiệp chưa tham gia sâu vào các khâu cốt lõi như xây dựng chương trình, đánh giá kết quả đào tạo; chưa hình thành được mô hình liên kết bền vững, lâu dài giữa nhà trường và doanh nghiệp.

3. Các hình thức gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động

Các hình thức gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động trên địa bàn tỉnh Sơn La trong thời gian qua chủ yếu gồm:

- Đào tạo gắn với thực hành, thực tập tại doanh nghiệp: học sinh, sinh viên được tiếp cận môi trường làm việc thực tế, rèn luyện kỹ năng nghề và tác phong công nghiệp;
- Đào tạo theo nhu cầu của doanh nghiệp và xã hội: tổ chức các lớp đào tạo ngắn hạn, đào tạo bồi dưỡng kỹ năng theo yêu cầu cụ thể;
- Giới thiệu việc làm sau đào tạo thông qua các hoạt động kết nối cung – cầu lao động, phiên giao dịch việc làm;
- Phối hợp xây dựng chuẩn đầu ra đối với một số ngành nghề đào tạo.

Những hình thức này góp phần nâng cao tính thực tiễn của đào tạo GDNN và cải thiện khả năng tìm việc làm của người học.

4. Kết quả đạt được

Việc gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động đã mang lại một số kết quả bước đầu, cụ thể:

- Một bộ phận người học sau đào tạo được doanh nghiệp tiếp nhận làm việc;
- Người học được nâng cao kỹ năng thực hành, làm quen với môi trường làm việc thực tế;
- Các cơ sở GDNN từng bước điều chỉnh nội dung đào tạo theo nhu cầu sử dụng lao động.

Công tác kết nối cung - cầu lao động được quan tâm thông qua hoạt động của các trung tâm dịch vụ việc làm, góp phần hỗ trợ người học tìm kiếm việc làm trong và ngoài tỉnh.

5. Hạn chế và nguyên nhân

Bên cạnh kết quả đạt được, việc gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động vẫn còn nhiều hạn chế:

- Liên kết giữa nhà trường và doanh nghiệp chưa chặt chẽ, thiếu tính bền vững;
- Doanh nghiệp chưa coi đào tạo nghề là trách nhiệm và lợi ích lâu dài;
- Chưa có cơ chế khuyến khích đủ mạnh để doanh nghiệp tham gia sâu vào GDNN;

- Công tác dự báo nhu cầu lao động theo ngành, nghề, trình độ đào tạo còn hạn chế. Nguyên nhân chủ yếu là do:
- Quy mô doanh nghiệp nhỏ, năng lực tài chính hạn chế;
- Thị trường lao động của tỉnh chưa phát triển mạnh;
- Cơ chế phối hợp giữa các bên chưa đồng bộ.

6. Đánh giá chung

Gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động tại tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2020 - 2025 đã được triển khai nhưng chưa đạt yêu cầu, mới ở mức độ bước đầu. Đây là nội dung then chốt cần được ưu tiên đổi mới mạnh mẽ trong giai đoạn 2026 - 2030 nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hiệu quả sử dụng nguồn nhân lực và đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

PHẦN THỨ BA

MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÓ KỸ NĂNG NGHỀ CAO GIAI ĐOẠN 2025 - 2030, TẦM NHÌN 2045

I. DỰ BÁO NHU CẦU NHÂN LỰC

1. Nhu cầu nhân lực chất lượng cao giai đoạn 2026 - 2030

Căn cứ Quy hoạch tỉnh Sơn La thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; kết quả thực hiện GDNN giai đoạn 2020 - 2025 và xu hướng chuyển dịch cơ cấu lao động, nhu cầu nhân lực chất lượng cao của tỉnh Sơn La giai đoạn 2026 - 2030 được dự báo tăng cả về số lượng, chất lượng và cơ cấu ngành nghề, tập trung vào các lĩnh vực trọng điểm sau:

a) Nhu cầu nhân lực theo ngành, nghề, lĩnh vực

**) Nhóm ngành nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản*

Sơn La tiếp tục xác định nông nghiệp là trụ đỡ của nền kinh tế, trong đó ưu tiên phát triển nông nghiệp hàng hóa, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và tiêu thụ sản phẩm. Theo định hướng đến năm 2030, tỉnh mở rộng các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, phát triển chuỗi giá trị nông sản chủ lực. Nhu cầu nhân lực:

- Lao động kỹ thuật trong trồng trọt, chăn nuôi ứng dụng công nghệ cao;
- Lao động kỹ thuật chế biến, bảo quản nông sản;
- Nhân lực quản lý sản xuất nông nghiệp, hợp tác xã, kinh tế tập thể.

**) Nhóm ngành du lịch, dịch vụ*

Với mục tiêu đưa du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng, dự báo nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực du lịch tăng nhanh, cả về số lượng và yêu cầu chất lượng. Nhu cầu nhân lực:

- Lao động kỹ thuật nghề du lịch, khách sạn, nhà hàng;
- Hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch;
- Lao động dịch vụ gắn với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái;

**) Nhóm ngành y tế, chăm sóc sức khỏe.*

Nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân đặt ra yêu cầu bổ sung, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực y tế. Nhu cầu nhân lực:

- Điều dưỡng, y sĩ, kỹ thuật viên y tế trình độ trung cấp, cao đẳng;
- Nhân lực chăm sóc sức khỏe cộng đồng, chăm sóc người cao tuổi.

**) Nhóm ngành công nghệ thông tin, chuyển đổi số*

Chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, doanh nghiệp và xã hội làm gia tăng nhu cầu nhân lực có kỹ năng số. Nhu cầu nhân lực:

- Nhân lực công nghệ thông tin trình độ cơ bản và ứng dụng;
- Lao động có kỹ năng số, kỹ năng sử dụng nền tảng số trong sản xuất, kinh doanh và dịch vụ.

**) Nhóm ngành công nghiệp, xây dựng, năng lượng*

Phát triển công nghiệp chế biến, xây dựng hạ tầng, năng lượng tái tạo tạo nhu cầu lao động kỹ thuật. Nhu cầu nhân lực:

- Lao động kỹ thuật điện, điện tử, cơ khí;
- Lao động kỹ thuật xây dựng, vận hành, bảo trì công trình.

b) Nhu cầu nhân lực theo trình độ đào tạo

Cơ cấu nhu cầu đào tạo nhân lực giai đoạn 2026 - 2030 của tỉnh Sơn La được dự báo theo hướng:

- Trình độ sơ cấp và đào tạo ngắn hạn: chiếm tỷ trọng lớn, phục vụ đào tạo nhanh, đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho lao động nông thôn, lao động chuyển đổi nghề;

- Trình độ trung cấp: đào tạo lao động kỹ thuật trực tiếp cho các lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao, du lịch, y tế, dịch vụ;

- Trình độ cao đẳng: đào tạo nhân lực kỹ thuật có tay nghề cao, nhân lực nòng cốt trong các ngành nghề trọng điểm của tỉnh;

- Đào tạo lại, đào tạo nâng cao, đào tạo thường xuyên: đáp ứng yêu cầu cập nhật kỹ năng, thích ứng với thay đổi công nghệ và thị trường lao động.

c) Nhu cầu nhân lực theo đối tượng

Nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực giai đoạn 2026 - 2030 tập trung vào các nhóm đối tượng chủ yếu:

- Học sinh tốt nghiệp THCS, THPT: thực hiện phân luồng hiệu quả vào GDNN;

- Lao động nông thôn, lao động là người dân tộc thiểu số: đào tạo nghề gắn với sinh kế, tạo việc làm tại chỗ;
- Lao động chuyển đổi nghề: do tái cơ cấu kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động;
- Người lao động trong doanh nghiệp: đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng nghề, kỹ năng số.

2. Đề xuất danh mục ngành, nghề mới và kỹ năng tương lai

Trên cơ sở dự báo nhu cầu nhân lực, tỉnh Sơn La đề xuất ưu tiên phát triển, thí điểm đào tạo một số ngành, nghề mới và kỹ năng tương lai trong giai đoạn 2026 - 2030 như sau:

- Ngành, nghề kỹ thuật nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao;
- Ngành, nghề chế biến nông sản, bảo quản sau thu hoạch;
- Ngành, nghề du lịch chất lượng cao, du lịch cộng đồng;
- Ngành, nghề chăm sóc sức khỏe, điều dưỡng;
- Ngành, nghề công nghệ thông tin ứng dụng, kỹ năng số;

Tích hợp kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng đổi mới sáng tạo, kỹ năng thích ứng vào chương trình đào tạo GDNN.

Đề xuất lựa chọn các trường cao đẳng trên địa bàn tỉnh làm cơ sở tham gia thí điểm đào tạo các ngành, nghề mới phù hợp với điều kiện và lợi thế của tỉnh.

II. ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM TRIỂN KHAI ĐÀO TẠO NGÀNH NGHỀ MỚI, KỸ NĂNG TƯƠNG LAI

1. Điều kiện về thể chế, cơ chế, chính sách

Để triển khai hiệu quả đào tạo ngành nghề mới, kỹ năng tương lai, tỉnh Sơn La xác định việc hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách là điều kiện tiên quyết và tập trung chủ yếu vào những công việc sau:

- Rà soát, điều chỉnh các kế hoạch, đề án phát triển GDNN bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội và dự báo nhu cầu nhân lực giai đoạn 2026 - 2030;
- Xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo đối với các ngành nghề mới, ngành nghề ưu tiên phát triển, gắn đào tạo với nhu cầu sử dụng lao động;
- Hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong triển khai đào tạo ngành nghề mới và kỹ năng tương lai;
- Ban hành các chính sách khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo, đặc biệt trong các khâu xây dựng chương trình, tổ chức đào tạo và tiếp nhận người học sau đào tạo.

Các cơ chế, chính sách được xây dựng theo hướng linh hoạt, khả thi, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của tỉnh và điều kiện thực tiễn của địa phương miền núi.

2. Điều kiện về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý

Đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý là yếu tố quyết định chất lượng đào tạo ngành nghề mới và kỹ năng tương lai. Tỉnh Sơn La xác định các giải pháp trọng tâm sau:

- Rà soát, quy hoạch đội ngũ nhà giáo theo ngành, nghề đào tạo ưu tiên;
- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề, kỹ năng số cho nhà giáo và cán bộ quản lý;
- Tạo điều kiện cho nhà giáo tham gia thực tế sản xuất, doanh nghiệp để cập nhật công nghệ, kỹ năng nghề;
- Huy động chuyên gia, kỹ sư, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực hành;
- Khuyến khích nhà giáo tự học, tự bồi dưỡng, nâng cao năng lực đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình đào tạo.

Việc phát triển đội ngũ được thực hiện theo lộ trình, ưu tiên các ngành nghề mới, ngành nghề trọng điểm của tỉnh.

3. Điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo

Cơ sở vật chất, trang thiết bị là điều kiện quan trọng bảo đảm chất lượng đào tạo ngành nghề mới. Tỉnh Sơn La định hướng:

- Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm cho các trường cao đẳng được lựa chọn đào tạo ngành nghề mới;
- Ưu tiên đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo thực hành, mô phỏng, thiết bị số;
- Từng bước hiện đại hóa xưởng thực hành, phòng học chuyên dùng phù hợp với yêu cầu đào tạo ngành nghề mới;
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản lý và đào tạo GDNN;
- Phát triển học liệu số, kho học liệu dùng chung phục vụ đào tạo kỹ năng số, kỹ năng mới.

Việc đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị được thực hiện phù hợp với khả năng ngân sách, đồng thời khuyến khích liên kết sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị với doanh nghiệp.

III. NGUỒN LỰC VÀ QUY HOẠCH PHÁT TRIỂN ĐÀO TẠO

1. Quy hoạch mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp

a) Định hướng sắp xếp, phát triển mạng lưới cơ sở GDNN

Trên cơ sở kết quả sắp xếp, kiện toàn mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2025, hiện nay trên địa bàn tỉnh Sơn La có 03 trường cao đẳng công lập hoạt động ổn định. Trong giai đoạn 2025 - 2030, tỉnh xác định:

- Tiếp tục giữ ổn định mô hình 03 trường cao đẳng công lập, không mở rộng đầu mới;

- Tập trung đầu tư theo hướng tinh gọn - hiệu quả - chuyên sâu, tránh dàn trải;
- Rà soát ngành, nghề đào tạo, điều chỉnh cơ cấu ngành nghề phù hợp với dự báo nhu cầu nhân lực của tỉnh.

Định hướng phát triển mạng lưới cơ sở GDNN của tỉnh không đặt trọng tâm vào mở rộng số lượng cơ sở, mà tập trung vào nâng cao chất lượng đào tạo và năng lực đáp ứng ngành nghề mới, kỹ năng tương lai.

b) Xác định cơ sở GDNN trọng điểm, đủ điều kiện đào tạo ngành nghề mới

Trong giai đoạn 2025 - 2030, tỉnh Sơn La định hướng lựa chọn các trường cao đẳng hiện có làm nòng cốt để:

- Phát triển đào tạo các ngành, nghề trọng điểm của tỉnh (nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, du lịch, y tế, công nghệ thông tin ứng dụng);
- Từng bước triển khai đào tạo ngành nghề mới, kỹ năng mới và kỹ năng tương lai;
- Xây dựng mô hình đào tạo gắn với doanh nghiệp, thực hành - thực tập tại cơ sở sản xuất.

Việc xác định cơ sở đào tạo ngành nghề mới dựa trên các tiêu chí:

- Có đội ngũ nhà giáo đáp ứng yêu cầu chuyên môn hoặc có khả năng đào tạo, bồi dưỡng nâng cao;
- Có cơ sở vật chất, xưởng thực hành cơ bản đáp ứng điều kiện tối thiểu;
- Có khả năng liên kết với doanh nghiệp và địa phương.

c) Gắn đào tạo ngành nghề mới với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội

Đào tạo ngành nghề mới và kỹ năng tương lai được gắn chặt với: Quy hoạch phát triển nông nghiệp công nghệ cao và chế biến nông sản; định hướng phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế quan trọng; nhu cầu nâng cao chất lượng dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe; yêu cầu chuyển đổi số trong quản lý nhà nước, doanh nghiệp và xã hội.

Đồng thời, việc phát triển đào tạo nghề được lồng ghép với quy hoạch phát triển các vùng động lực kinh tế, khu vực sản xuất tập trung, bảo đảm đào tạo gắn với khả năng tạo việc làm thực tế trên địa bàn tỉnh và khu vực lân cận.

2. Nguồn lực tài chính

a) Nguồn ngân sách nhà nước

Nguồn lực tài chính cho phát triển GDNN giai đoạn 2025 - 2030 tiếp tục được bảo đảm từ: ngân sách Trung ương hỗ trợ theo các chương trình, đề án; ngân sách địa phương bố trí trong dự toán chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển; nguồn lồng ghép từ các chương trình mục tiêu quốc gia.

Tỉnh xác định ưu tiên bố trí ngân sách cho đầu tư trang thiết bị phục vụ đào tạo ngành nghề mới; đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ nhà giáo; xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo tích hợp kỹ năng số, kỹ năng xanh.

b) Nguồn vốn xã hội hóa và hợp tác công - tư

Tỉnh khuyến khích huy động nguồn lực xã hội hóa thông qua: hợp tác với doanh nghiệp trong đào tạo theo đơn đặt hàng; liên kết sử dụng chung cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo; doanh nghiệp tham gia góp ý chương trình, hỗ trợ thực tập, thực hành.

Tuy nhiên, do đặc điểm doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là nhỏ và vừa, năng lực tài chính còn hạn chế, nên nguồn lực xã hội hóa trong GDNN dự báo chưa lớn, cần có cơ chế khuyến khích phù hợp.

c) Nhu cầu kinh phí

Trong giai đoạn 2025 - 2030, nhu cầu kinh phí tập trung vào các nhóm nhiệm vụ: Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị đào tạo phục vụ ngành nghề mới; bồi dưỡng, nâng cao trình độ đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý; xây dựng, cập nhật chương trình đào tạo; phát triển học liệu số, phục vụ chuyển đổi số trong GDNN.

Việc xác định cụ thể nhu cầu kinh phí sẽ được thực hiện theo từng năm ngân sách, bảo đảm phù hợp khả năng cân đối của tỉnh.

3. Nguồn lực con người

Tỉnh Sơn La có lực lượng lao động khoảng 805.000 người, trong đó tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 64,5%, song lao động có bằng cấp, chứng chỉ mới đạt khoảng 30%. Đây vừa là thách thức, vừa là dư địa để mở rộng đào tạo ngành nghề mới trong giai đoạn tới.

a) Khả năng thu hút học sinh sau THCS, THPT

Việc tăng cường phân luồng học sinh vào GDNN là giải pháp quan trọng để thu hút người học tham gia đào tạo ngành nghề mới. Tỉnh tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, hướng nghiệp; giới thiệu rõ cơ hội việc làm, thu nhập gắn với ngành nghề mới; hỗ trợ chính sách học phí, chi phí học tập theo quy định.

b) Thu hút lao động nông thôn và lao động chuyển đổi nghề

Đối với lao động nông thôn, người dân tộc thiểu số và lao động chuyển đổi nghề, tỉnh định hướng: tổ chức đào tạo linh hoạt, ngắn hạn, phù hợp điều kiện sản xuất; gắn đào tạo với sinh kế, sản xuất và hỗ trợ sau đào tạo; lồng ghép với chương trình giảm nghèo bền vững.

c) Thu hút người lao động trong doanh nghiệp tham gia đào tạo lại, nâng cao kỹ năng

Tỉnh khuyến khích doanh nghiệp phối hợp với cơ sở GDNN tổ chức: đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động; bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng an toàn, kỹ năng thích ứng.

Việc thu hút người học tham gia đào tạo ngành nghề mới phụ thuộc lớn vào khả năng tạo việc làm ổn định, thu nhập phù hợp. Do đó, gắn kết chặt chẽ giữa đào tạo và thị trường lao động là điều kiện quyết định.

IV. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NHÂN LỰC CÓ KỸ NĂNG NGHỀ CAO GIAI ĐOẠN 2025 - 2030, TẦM NHÌN 2045

1. Mục tiêu

a) Mục tiêu tổng quát

Phát triển nhân lực có kỹ năng nghề cao, có khả năng thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động và chuyển đổi số; đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế – xã hội của tỉnh Sơn La trong giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045; góp phần nâng cao năng suất lao động, chất lượng tăng trưởng, giải quyết việc làm bền vững và bảo đảm an sinh xã hội.

b) Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

**) Về quy mô tuyển sinh, đào tạo*

Duy trì quy mô tuyển sinh và đào tạo giáo dục nghề nghiệp ổn định, tương đương hoặc cao hơn giai đoạn 2021 - 2025, phù hợp với dự báo nhu cầu nhân lực và khả năng của địa phương.

Điều chỉnh cơ cấu tuyển sinh theo hướng:

Tăng dần tỷ trọng đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng;

Mở rộng đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động.

Tập trung tuyển sinh vào các ngành nghề trọng điểm, ngành nghề mới gắn với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

**) Về tỷ lệ người học tốt nghiệp có việc làm*

Phân đầu đến năm 2030, tỷ lệ người học tốt nghiệp trình độ cao đẳng, trung cấp có việc làm hoặc tự tạo việc làm đạt từ 75% trở lên.

Đối với đào tạo sơ cấp và đào tạo ngắn hạn, bảo đảm đa số người học áp dụng được kiến thức, kỹ năng vào sản xuất, kinh doanh hoặc có việc làm phù hợp.

Tăng dần tỷ lệ người học có việc làm phù hợp với ngành nghề đào tạo.

Giảm tình trạng đào tạo không gắn với nhu cầu thị trường lao động.

**) Về tỷ lệ cơ sở GDNN tham gia đào tạo ngành nghề mới*

Đến năm 2030, 100% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh tham gia tích hợp nội dung ngành nghề mới, kỹ năng mới và kỹ năng tương lai vào chương trình đào tạo.

Tối thiểu 2/3 cơ sở GDNN đủ điều kiện triển khai đào tạo hoặc thí điểm đào tạo ngành nghề mới ở trình độ trung cấp hoặc cao đẳng.

Phân đầu tối thiểu 40 - 50% chương trình đào tạo được tích hợp kỹ năng số, kỹ năng xanh và kỹ năng mềm.

c) Tầm nhìn đến năm 2045

Xây dựng hệ thống GDNN của tỉnh Sơn La phát triển bền vững, có khả năng đào tạo nhân lực kỹ thuật chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu hội nhập và phát triển kinh tế - xã hội; góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các vùng.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Hoàn thiện thể chế, nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về GDNN

Rà soát, điều chỉnh các kế hoạch, đề án về GDNN bảo đảm phù hợp với giai đoạn 2025 - 2030;

Xây dựng cơ chế đặt hàng đào tạo theo nhu cầu xã hội và thị trường lao động;

Tăng cường phân cấp, phân quyền, nâng cao trách nhiệm của các sở, ngành, địa phương;

Đổi mới công tác dự báo nhu cầu nhân lực, làm cơ sở xây dựng kế hoạch đào tạo.

2. Đổi mới chương trình, phương thức đào tạo gắn với kỹ năng mới, kỹ năng tương lai

Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo theo hướng tích hợp kỹ năng số, kỹ năng xanh, kỹ năng mềm;

Đẩy mạnh đào tạo theo mô đun, tín chỉ, đào tạo linh hoạt;

Tăng cường đào tạo gắn với thực hành, thực tập tại doanh nghiệp;

Phát triển đào tạo lại, đào tạo nâng cao kỹ năng cho người lao động.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý GDNN

Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo theo ngành nghề ưu tiên;

Tạo điều kiện cho nhà giáo tham gia thực tế sản xuất, doanh nghiệp;

Huy động chuyên gia, nghệ nhân, người lao động có tay nghề cao tham gia đào tạo;

Nâng cao năng lực quản lý, quản trị cơ sở GDNN.

4. Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và đẩy mạnh chuyển đổi số

Tập trung đầu tư có trọng tâm cho các trường cao đẳng đào tạo ngành nghề trọng điểm;

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng học liệu số;

Phát triển đào tạo kết hợp trực tiếp - trực tuyến;

Khuyến khích sử dụng chung cơ sở vật chất với doanh nghiệp.

5. Tăng cường gắn kết GDNN với doanh nghiệp và thị trường lao động

Thiết lập cơ chế hợp tác bền vững giữa nhà trường - doanh nghiệp;

Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo theo đơn đặt hàng;

Đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động, tư vấn việc làm;

Gắn đào tạo với giải quyết việc làm bền vững.

6. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho GDNN

Bố trí ngân sách hợp lý cho GDNN;

Đẩy mạnh xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào đào tạo;

Lồng ghép nguồn lực từ các chương trình mục tiêu quốc gia;

Sử dụng hiệu quả, tránh dàn trải, lãng phí.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế và học tập kinh nghiệm

Chủ động tham gia các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về GDNN;

Học tập kinh nghiệm đào tạo nghề tiên tiến;

Từng bước nâng cao năng lực hội nhập quốc tế trong GDNN.

KẾT LUẬN

Giai đoạn 2020 - 2025, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh Sơn La đã có bước phát triển, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, giải quyết việc làm và phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Mạng lưới cơ sở GDNN được kiện toàn; quy mô đào tạo được duy trì ổn định; từng bước triển khai đào tạo ngành nghề mới, kỹ năng mới phù hợp định hướng phát triển của địa phương.

Tuy nhiên, trước yêu cầu chuyển đổi số và hội nhập, phát triển nhân lực có kỹ năng nghề cao vẫn còn những khó khăn về nguồn lực, cơ sở vật chất và mức độ gắn kết với doanh nghiệp.

Giai đoạn 2025 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, tỉnh Sơn La xác định tiếp tục tập trung triển khai đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã đề ra, bảo đảm phát triển GDNN gắn với nhu cầu thực tiễn, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và tạo việc làm bền vững.

Trên đây là Báo cáo thực trạng giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2020 - 2025 và đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, các ngành nghề mới, kỹ năng mới, kỹ năng tương lai. UBND tỉnh Sơn La trân trọng báo cáo và đề nghị Bộ Giáo dục và Đào tạo quan tâm, hướng dẫn, hỗ trợ tỉnh Sơn La trong quá trình tổ chức thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Các trường cao đẳng thuộc UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KGVX, Đại.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hà Trung Chiến